



Vetroasfalto SpA

Viabascoli 3,

I-20060 Basiano (MI) – Italy

Tel: + 39.02.959831 – Fax: + 39.02.95983555

Mô tả: Màng nhựa đàn hồi BPP polyme, trộn với nhựa bitum được chưng cất được biến đổi với phân tử polyme nặng, được tăng cường với thành phần polyeste không dệt. **Lĩnh vực ứng dụng:** Mái, sàn vệ sinh, tầng hầm (Lớp nền hoặc lớp trung gian trong hệ thống chống thấm đa lớp). **Phương pháp ứng dụng:** Khò nhiệt. **Chỉ dẫn:** EN 13707. **Chất nguy hiểm:** Sản phẩm không chứa chất nguy hiểm (Campo mancante)

BREIGLAS 3MM PE- APP - MÀNG CHỐNG THẤM KHÒ NÓNG VETROASFALTO

MÔ TẢ

Màng chống thấm **BREIGLAS** là màng khò nóng chất lượng cao, được sản xuất từ nhựa bitumpolyme BPP đàn hồi, hợp chất bitum tinh chế với polyme khối lượng phân tử cao, được gia cường bằng lưới polyeste không dệt, do vậy sản phẩm đảm bảo hiệu suất cao trong mọi điều kiện.

ỨNG DỤNG

Màng **BREIGLAS** thích ứng cho nhiều ứng dụng chống thấm như tường móng, đường hầm, tầng hầm, mái nhà, sàn đỗ xe và các công trình dân dụng khác.

- Sàn và mái bê tông
- Bể ngầm
- Sàn đỗ xe
- Kết cấu bê tông bể chứa
- Đường ngầm
- Đường hầm
- Mặt cầu
- Công trình xử lý nước
- Bể bơi

ƯU ĐIỂM

Màng **BREIGLAS** được thiết kế đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Đặc tính kháng hóa chất của màng **BREIGLAS** tạo cho nó khả năng thích ứng đặc biệt với ứng dụng cho hệ bể tại những khu vực có mạch nước ngầm chảy mạnh.

- Dễ thi công bằng khò nóng
- Ổn định kích thước rất tốt
- Tuyệt đối không thấm nước
- Hiệu suất nhiệt độ cao rất tốt
- Thân thiện với môi trường
- Đặc tính cơ học cao



Vetroasfalto SpA

Viabascoli 3,

I-20060 Basiano (MI) – Italy

Tel: + 39.02.959831 – Fax: + 39.02.95983555

Mô tả: Màng nhựa đàn hồi BPP polyme, trộn với nhựa bitum được chưng cất được biến đổi với phân tử polyme nặng, được tăng cường với thành phần polyeste không dệt. **Lĩnh vực ứng dụng:** Mái, sàn vệ sinh, tầng hầm (Lớp nền hoặc lớp trung gian trong hệ thống chống thấm đa lớp). **Phương pháp ứng dụng:** Khò nhiệt. **Chỉ dẫn:** EN 13707. **Chất nguy hiểm:** Sản phẩm không chứa chất nguy hiểm (Campo mancante)

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Chuẩn bị bề mặt

Bề mặt nền bê tông cần được miết nhẵn bằng bay và được khử sạch cát tồn dư hoặc bám hờ trên bề mặt để tránh làm tổn hại đến lớp màng. Dùng vữa xi măng cát tạo phẳng, vuông góc các cạnh góc tường / lan can / khớp nối panel sàn. Bề mặt phải được làm sạch hoàn toàn trong khi thi công chống thấm.

Quét lớp sơn lót

Quét hoặc lăn một lớp sơn lót mỏng và đều lên bề mặt. Chỉ sơn lót khu vực thi công màng trong ngày. Sau khi sơn lót khoảng 2-3 giờ, có thể dán màng trong điều kiện thời tiết bình thường và trên bề mặt bê tông.

Gia cường các điểm yếu

Tuổi thọ của màng có thể được kéo dài hiệu quả bằng cách gia cường các phần xung yếu như góc tường lan can, quan hống thoát nước.

Thi công dán màng

Để dán màng được phẳng trên mặt bê tông, cần lăn trái cuộn theo đường thẳng. Sử dụng phương pháp khò nhiệt, khò đều mặt màng phía dưới đến khi lớp màng mỏng chảy và kết dính với lớp bitum quét lót. Mép nối cuối tối thiểu 10cm. Trên bề mặt đứng hoặc nghiêng, phải dán màng từ thấp lên cao.

Kiểm tra, sửa chữa và bảo vệ

Sau khi dán màng xong, cần kiểm tra kỹ lớp màng vừa dán trước khi ốp lát hoặc phủ lớp bảo vệ.

Bảo quản

Toàn bộ sản phẩm cần được bảo quản cách xa nguồn nhiệt, nguyên bao gói. Để đứng và không xếp các pallet lên nhau.





Vetroasfalto SpA
Viabascoli 3,
I-20060 Basiano (MI) – Italy
Tel: + 39.02.959831 – Fax: + 39.02.95983555

Ngày
Kí kết

17/05/2010

17/05/2010

Chứng nhận

CPD-11/001

Mô tả: Màng nhựa đàn hồi BPP polyme, trộn với nhựa bitum được chung cất được biến đổi với phân tử polyme nặng, được tăng cường với thành phần polyeste không dệt. **Lĩnh vực ứng dụng:** Mái, sàn vệ sinh, tầng hầm (Lớp nền hoặc lớp trung gian trong hệ thống chống thấm đa lớp). **Phương pháp ứng dụng:** Khò nhiệt. **Chỉ dẫn:** EN 13707. **Chất nguy hiểm:** Sản phẩm không chứa chất nguy hiểm (Campo mancante)

BẢN THÔNG SỐ KỸ THUẬT

SẢN PHẨM

BREIGLAS 3MM GY- APP

Thành phần

BPP

(nhựa bitum biến thể với polyme đàn hồi)

Lớp gia cường

Thành phần polyeste không dệt

ĐẶC TÍNH

EN DRC

ĐƠN VỊ

TRỊ SỐ

TOL

Kiểm khuyết nhìn thấy

EN 1850-1

.....

Thông qua

.....

Độ dày

EN 1849-1

mm

3,00

-10%

Kích thước

EN 1848-1

m

1,00

1,00

-1%

Độ thẳng

EN 1848-1

mm

Tối đa 20

Thông qua

Lực kéo căng tối đa (L/T)

EN 12311-1

N/5cm

500

350

-20%

Độ kéo giãn (L/T)

EN 12311-1

%

40

40

-15 abs

Chịu xé (L/T)

EN 12310-1

N

140

160

.....

Chịu tải tĩnh

EN 12730

Kg

15

.....

Chịu va đập

EN 12691

mm

700

.....

Cường độ khớp nối (L/T)

EN 12317-1

N/5cm

npd

Sức chịu bong của điểm nối (L/T)

EN 12316-1

N/5cm

npd

Độ dẻo (uốn lạnh)

EN 1109

°C

-10

Thông qua

Độ dẻo (uốn lạnh) – Lão hóa

EN 1296

°C

npd

Lão hóa tia cực tím nhân tạo (Kiểm khuyết nhìn thấy)

EN 1297

.....

.....

Tính kín nước

EN 1298

kPa

60

.....

Độ thấm hơi nước

EN 1931

μ x100

20

npd

Độ thấm hơi nước (Lão hóa)

EN 1296

μ x100

npd

Hình thức ổn định (Mới/Lão hóa)

EN 1110

°C

120

Thông qua

Kích thước ổn định (L/T)

EN 1107-1

%

0,25

0,15

Thông qua

Kháng rễ

Nhóm MBP

% gia tăng

npd

Hiệu suất chịu lửa mặt ngoài

EN 13501-5

Loại

F(mái)

npd

Phản ứng với lửa

EN 13501-1

Loại

F

npd

Độ dính của hạt (Khoáng)

EN 12039

%

npd

Mặt trên

Mặt Đá (tự bảo vệ)

Mặt dưới

Màng polyetylen nhiệt nóng chảy

Cuộn x palét/đóng gói

25

Với polyetylen co ngót, trên palét



Vetroasfalto SpA
Viabascoli 3,
I-20060 Basiano (MI) – Italy
Tel: + 39.02.959831 – Fax: + 39.02.95983555

Ngày
Kí kết

17/05/2010

17/05/2010

Chứng nhận

CPD-11/001

Mô tả: Màng nhựa đàn hồi BPP polyme, trộn với nhựa bitum được chung cất được biến đổi với phân tử polyme nặng, được tăng cường với thành phần polyeste không dệt.

Lĩnh vực ứng dụng: Mái, sàn vệ sinh, tầng hầm (Lớp nền hoặc lớp trung gian trong hệ thống chống thấm đa lớp). **Phương pháp ứng dụng:** Khò nhiệt. **Chỉ dẫn:** EN13707

Chất nguy hiểm: Sản phẩm không chứa chất nguy hiểm (Campomancante)

BẢN THÔNG SỐ KỸ THUẬT

SẢN PHẨM

BREIGLAS 3MM PE-APP

Thành phần

BPP

(nhựa bitum biến thể với polyme đàn hồi)

Lớp gia cường

Thành phần polyeste không dệt

ĐẶC TÍNH	EN DRC	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ	TOL
Kiểm khuyết nhìn thấy	EN 1850-1	Thông qua
Độ dày	EN 1849-1	mm	3,00	-10%
Kích thước	EN 1848-1	m	1,00 10	-1%
Độ thẳng	EN 1848-1	mm	Tối đa 20	Thông qua
Lực kéo căng tối đa (L/T)	EN 12311-1	N/5cm	700 550	-20%
Độ kéo giãn (L/T)	EN 12311-1	%	40 40	-15 abs
Chịu xé (L/T)	EN 12310-1	N	180 160
Chịu tải tĩnh	EN 12730	Kg	15
Chịu va đập	EN 12691	mm	700
Cường độ khớp nối (L/T)	EN 12317-1	N/5cm		npd
Sức chịu bong của điểm nối (L/T)	EN 12316-1	N/5cm		npd
Độ dẻo (uốn lạnh)	EN 1109	°C	0	Thông qua
Độ dẻo (uốn lạnh) – Lão hóa	EN 1296	°C		npd
Lão hóa tia cực tím nhân tạo (Kiểm khuyết nhìn thấy)	EN 1297
Tính kín nước	EN 1298	kPa	60
Độ thấm hơi nước	EN 1931	μ x100	20	npd
Độ thấm hơi nước (Lão hóa)	EN 1296	μ x100		npd
Hình thức ổn định (Mới/Lão hóa)	EN 1110	°C	120	Thông qua
Kích thước ổn định (L/T)	EN 1107-1	-	-0,25 0,15	Thông qua
Kháng rễ	Nhóm MBP	% gia tăng		npd
Hiệu suất chịu lửa mặt ngoài	EN 13501-5	Loại	F(mái)	npd
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại	F	npd
Độ dính của hạt	EN 12039	%		npd

Mặt trên

Mặt PE (tự bảo vệ)

Mặt dưới

Màng polyetylen nhiệt nóng chảy

Cuộn xpalét/đóng gói

30

Với polyetylen co ngót, trên palét



Vetroasfalto SpA
Viabascoli 3,
I-20060 Basiano (MI) – Italy
Tel: + 39.02.959831 – Fax: + 39.02.95983555

Ngày
Kí kết

17/05/2010

17/05/2010

Chứng nhận

CPD-11/001

Mô tả: Màng nhựa đàn hồi BPP polyme, trộn với nhựa bitum được chưng cất được biến đổi với phân tử polyme nặng, được tăng cường với thành phần polyeste không dệt. **Lĩnh vực ứng dụng:** Mái, sàn vệ sinh, tầng hầm (Lớp nền hoặc lớp trung gian trong hệ thống chống thấm đa lớp). **Phương pháp ứng dụng:** Khò nhiệt. **Chỉ dẫn:** EN 13707. **Chất nguy hiểm:** Sản phẩm không chứa chất nguy hiểm (Campo mancante)

BẢN THÔNG SỐ KỸ THUẬT

SẢN PHẨM

BREIGLAS 4MM PE-APP

Thành phần

BPP

(nhựa bitum biến thể với polyme đàn hồi)

Lớp gia cường

Thành phần polyeste không dệt

ĐẶC TÍNH	EN DRC	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ	TOL
Khiếm khuyết nhìn thấy	EN 1850-1	Thông qua
Độ dày	EN 1849-1	mm	4,00	-10%
Kích thước	EN 1848-1	m	1,00 10	-1%
Độ thẳng	EN 1848-1	mm	Tối đa 20	Thông qua
Lực kéo căng tối đa (L/T)	EN 12311-1	N/5cm	700 550	-20%
Độ kéo giãn (L/T)	EN 12311-1	%	40 40	-15 abs
Chịu xé (L/T)	EN 12310-1	N	180 160
Chịu tải tĩnh	EN 12730	Kg	15
Chịu va đập	EN 12691	mm	700
Cường độ khớp nối (L/T)	EN 12317-1	N/5cm		npd
Sức chịu bong của điểm nối (L/T)	EN 12316-1	N/5cm		npd
Độ dẻo (uốn lạnh)	EN 1109	°C	-20	Thông qua
Độ dẻo (uốn lạnh) – Lão hóa	EN 1296	°C		npd
Lão hóa tia cực tím nhân tạo (Khiếm khuyết nhìn thấy)	EN 1297
Tính kín nước	EN 1298	kPa	60
Độ thấm hơi nước	EN 1931	μ x100	20	npd
Độ thấm hơi nước (Lão hóa)	EN 1296	μ x100		npd
Hình thức ổn định (Mới/Lão hóa)	EN 1110	°C	120	Thông qua
Kích thước ổn định (L/T)	EN 1107-1	-	-0,25 0,15	Thông qua
Kháng rễ	Nhóm MBP	% gia tăng		npd
Hiệu suất chịu lửa mặt ngoài	EN 13501-5	Loại	F(mái)	npd
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại	F	npd
Độ dính của hạt	EN 12039	%		npd

Mặt trên

Mặt PE (tự bảo vệ)

Mặt dưới

Màng polyetylen nhiệt nóng chảy

Cuộn x palét/đóng gói

30

Với polyetylen co ngót, trên palét



Vetroasfalto SpA
Viabascoli 3,
I-20060 Basiano (MI) – Italy
Tel: + 39.02.959831 – Fax: + 39.02.95983555

Ngày
Kí kết

17/05/2010

17/05/2010

Chứng nhận

CPD-11/001

Mô tả: Màng nhựa đàn hồi BPP polyme, trộn với nhựa bitum được chung cất được biến đổi với phân tử polyme nặng, được tăng cường với thành phần polyeste không dệt.

Lĩnh vực ứng dụng: Mái, sàn vệ sinh, tầng hầm (Lớp nền hoặc lớp trung gian trong hệ thống chống thấm đa lớp). **Phương pháp ứng dụng:** Khò nhiệt. **Chỉ dẫn:** EN13707

Chất nguy hiểm: Sản phẩm không chứa chất nguy hiểm (Campomancante)

BẢN THÔNG SỐ KỸ THUẬT

SẢN PHẨM

BREIGLAS 3MM S-APP

Thành phần

BPP

(nhựa bitum biến thể với polyme đàn hồi)

Lớp gia cường

Thành phần polyeste không dệt

ĐẶC TÍNH	EN DRC	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ	TOL
Kiểm khuyết nhìn thấy	EN 1850-1	Thông qua
Độ dày	EN 1849-1	mm	3,00	-10%
Kích thước	EN 1848-1	m	1,00 10	-1%
Độ thẳng	EN 1848-1	mm	Tối đa 20	Thông qua
Lực kéo căng tối đa (L/T)	EN 12311-1	N/5cm	500 350	-20%
Độ kéo giãn (L/T)	EN 12311-1	%	40 40	-15 abs
Chịu xé (L/T)	EN 12310-1	N	140 160
Chịu tải tĩnh	EN 12730	Kg	15
Chịu va đập	EN 12691	mm	700
Cường độ khớp nối (L/T)	EN 12317-1	N/5cm		npd
Sức chịu bong của điểm nối (L/T)	EN 12316-1	N/5cm		npd
Độ dẻo (uốn lạnh)	EN 1109	°C	0	Thông qua
Độ dẻo (uốn lạnh) – Lão hóa	EN 1296	°C		npd
Lão hóa tia cực tím nhân tạo (Kiểm khuyết nhìn thấy)	EN 1297
Tính kín nước	EN 1298	kPa	60
Độ thấm hơi nước	EN 1931	μ x100	20	npd
Độ thấm hơi nước (Lão hóa)	EN 1296	μ x100		npd
Hình thức ổn định (Mới/Lão hóa)	EN 1110	°C	120	Thông qua
Kích thước ổn định (L/T)	EN 1107-1	-	-0,25 0,15	Thông qua
Kháng rễ	Nhóm MBP	% gia tăng		npd
Hiệu suất chịu lửa mặt ngoài	EN 13501-5	Loại	F(mái)	npd
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại	F	npd
Độ dính của hạt	EN 12039	%		npd

Mặt trên

Mặt Cát (tự bảo vệ)

Mặt dưới

Màng polyetylen nhiệt nóng chảy

Cuộn x palét/đóng gói

30

Với polyetylen co ngót, trên palét



Vetroasfalto SpA
Viabascoli 3,
I-20060 Basiano (MI) – Italy
Tel: + 39.02.959831 – Fax: + 39.02.95983555

Ngày
Kí kết

17/05/2010

17/05/2010

Chứng nhận

CPD-11/001

Mô tả: Màng nhựa đàn hồi BPP polyme, trộn với nhựa bitum được chung cất được biến đổi với phân tử polyme nặng, được tăng cường với thành phần polyeste không dệt.

Lĩnh vực ứng dụng: Mái, sàn vệ sinh, tầng hầm (Lớp nền hoặc lớp trung gian trong hệ thống chống thấm đa lớp). **Phương pháp ứng dụng:** Khò nhiệt. **Chỉ dẫn:** EN13707

Chất nguy hiểm: Sản phẩm không chứa chất nguy hiểm (Campomancante)

BẢN THÔNG SỐ KỸ THUẬT

SẢN PHẨM

BREIGLAS 3MM S-APP

Thành phần

BPP

(nhựa bitum biến thể với polyme đàn hồi)

Lớp gia cường

Thành phần polyeste không dệt

ĐẶC TÍNH	EN DRC	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ	TOL
Kiểm khuyết nhìn thấy	EN 1850-1	Thông qua
Độ dày	EN 1849-1	mm	3,00	-10%
Kích thước	EN 1848-1	m	1,00 10	-1%
Độ thẳng	EN 1848-1	mm	Tối đa 20	Thông qua
Lực kéo căng tối đa (L/T)	EN 12311-1	N/5cm	500 350	-20%
Độ kéo giãn (L/T)	EN 12311-1	%	40 40	-15 abs
Chịu xé (L/T)	EN 12310-1	N	140 160
Chịu tải tĩnh	EN 12730	Kg	15
Chịu va đập	EN 12691	mm	700
Cường độ khớp nối (L/T)	EN 12317-1	N/5cm		npd
Sức chịu bong của điểm nối (L/T)	EN 12316-1	N/5cm		npd
Độ dẻo (uốn lạnh)	EN 1109	°C	0	Thông qua
Độ dẻo (uốn lạnh) – Lão hóa	EN 1296	°C		npd
Lão hóa tia cực tím nhân tạo (Kiểm khuyết nhìn thấy)	EN 1297
Tính kín nước	EN 1298	kPa	60
Độ thấm hơi nước	EN 1931	μ x100	20	npd
Độ thấm hơi nước (Lão hóa)	EN 1296	μ x100		npd
Hình thức ổn định (Mới/Lão hóa)	EN 1110	°C	120	Thông qua
Kích thước ổn định (L/T)	EN 1107-1	-	-0,25 0,15	Thông qua
Kháng rễ	Nhóm MBP	% gia tăng		npd
Hiệu suất chịu lửa mặt ngoài	EN 13501-5	Loại	F(mái)	npd
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại	F	npd
Độ dính của hạt	EN 12039	%		npd

Mặt trên

Mặt Cát (tự bảo vệ)

Mặt dưới

Màng polyetylen nhiệt nóng chảy

Cuộn x palét/đóng gói

30

Với polyetylen co ngót, trên palét



Vetroasfalto SpA
 Viabascoli 3,
 I-20060 Basiano (MI) – Italy
 Tel: + 39.02.959831 – Fax: + 39.02.95983555

Ngày
Kí kết

17/05/2010

17/05/2010

Chứng nhận

CPD-11/001

Mô tả: Màng nhựa đàn hồi BPP polyme, trộn với nhựa bitum được chưng cất được biến đổi với phân tử polyme nặng, được tăng cường với thành phần polyeste không dệt. **Lĩnh vực ứng dụng:** Mái, sàn vệ sinh, tầng hầm (Lớp nền hoặc lớp trung gian trong hệ thống chống thấm đa lớp). **Phương pháp ứng dụng:** Khò nhiệt. **Chỉ dẫn:** EN 13707. **Chất nguy hiểm:** Sản phẩm không chứa chất nguy hiểm (Campo mancante)

BẢN THÔNG SỐ KỸ THUẬT

SẢN PHẨM

BREIGLAS 4MM S-APP

Thành phần

BPP

(nhựa bitum biến thể với polyme đàn hồi)

Lớp gia cường

Thành phần polyeste không dệt

ĐẶC TÍNH	EN DRC	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ	TOL
Kiểm khuyết nhìn thấy	EN 1850-1	Thông qua
Độ dày	EN 1849-1	mm	4,00	-10%
Kích thước	EN 1848-1	m	1,00 10	-1%
Độ thẳng	EN 1848-1	mm	Tối đa 20	Thông qua
Lực kéo căng tối đa (L/T)	EN 12311-1	N/5cm	500 350	-20%
Độ kéo giãn (L/T)	EN 12311-1	%	40 40	-15 abs
Chịu xé (L/T)	EN 12310-1	N	140 160
Chịu tải tĩnh	EN 12730	Kg	15
Chịu va đập	EN 12691	mm	700
Cường độ khớp nối (L/T)	EN 12317-1	N/5cm		npd
Sức chịu bong của điểm nối (L/T)	EN 12316-1	N/5cm		npd
Độ dẻo (uốn lạnh)	EN 1109	°C	-20	Thông qua
Độ dẻo (uốn lạnh) – Lão hóa	EN 1296	°C		npd
Lão hóa tia cực tím nhân tạo (Kiểm khuyết nhìn thấy)	EN 1297
Tính kín nước	EN 1298	kPa	60
Độ thấm hơi nước	EN 1931	μ x100	20	npd
Độ thấm hơi nước (Lão hóa)	EN 1296	μ x100		npd
Hình thức ổn định (Mới/Lão hóa)	EN 1110	°C	120	Thông qua
Kích thước ổn định (L/T)	EN 1107-1	-	-0,25 0,15	Thông qua
Kháng rễ	Nhóm MBP	% gia tăng		npd
Hiệu suất chịu lửa mặt ngoài	EN 13501-5	Loại	F(mái)	npd
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại	F	npd
Độ dính của hạt	EN 12039	%		npd

Mặt trên

Mặt Cát (tự bảo vệ)

Mặt dưới

Màng polyetylen nhiệt nóng chảy

Cuộn x palét/đóng gói

30

Với polyetylen co ngót, trên palét



Vetroasfalto SpA
Viabascoli 3,
I-20060 Basiano (MI) – Italy
Tel: + 39.02.959831 – Fax: + 39.02.95983555

Ngày
Kí kết

17/05/2010

17/05/2010

Chứng nhận

CPD-11/001

Mô tả: Màng nhựa đàn hồi BPP polyme, trộn với nhựa bitum được chưng cất được biến đổi với phân tử polyme nặng, được tăng cường với thành phần polyeste không dệt. **Lĩnh vực ứng dụng:** Mái, sàn vệ sinh, tầng hầm (Lớp nền hoặc lớp trung gian trong hệ thống chống thấm đa lớp). **Phương pháp ứng dụng:** Khò nhiệt. **Chỉ dẫn:** EN 13707. **Chất nguy hiểm:** Sản phẩm không chứa chất nguy hiểm (Campo mancante)

BẢN THÔNG SỐ KỸ THUẬT

SẢN PHẨM

BREIGLAS 4MM PE-APP

Thành phần

BPP

(nhựa bitum biến thể với polyme đàn hồi)

Lớp gia cường

Thành phần polyeste không dệt

ĐẶC TÍNH	EN DRC	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ	TOL
Kiểm khuyết nhìn thấy	EN 1850-1	Thông qua
Độ dày	EN 1849-1	mm	4,00	-10%
Kích thước	EN 1848-1	m	1,00 10	-1%
Độ thẳng	EN 1848-1	mm	Tối đa 20	Thông qua
Lực kéo căng tối đa (L/T)	EN 12311-1	N/5cm	500 350	-20%
Độ kéo giãn (L/T)	EN 12311-1	%	40 40	-15 abs
Chịu xé (L/T)	EN 12310-1	N	140 160
Chịu tải tĩnh	EN 12730	Kg	15
Chịu va đập	EN 12691	mm	700
Cường độ khớp nối (L/T)	EN 12317-1	N/5cm		npd
Sức chịu bong của điểm nối (L/T)	EN 12316-1	N/5cm		npd
Độ dẻo (uốn lạnh)	EN 1109	°C	-20	Thông qua
Độ dẻo (uốn lạnh) – Lão hóa	EN 1296	°C		npd
Lão hóa tia cực tím nhân tạo (Kiểm khuyết nhìn thấy)	EN 1297
Tính kín nước	EN 1298	kPa	60
Độ thấm hơi nước	EN 1931	μ x100	20	npd
Độ thấm hơi nước (Lão hóa)	EN 1296	μ x100		npd
Hình thức ổn định (Mới/Lão hóa)	EN 1110	°C	120	Thông qua
Kích thước ổn định (L/T)	EN 1107-1	-	-0,25 0,15	Thông qua
Kháng rễ	Nhóm MBP	% gia tăng		npd
Hiệu suất chịu lửa mặt ngoài	EN 13501-5	Loại	F(mái)	npd
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại	F	npd
Độ dính của hạt	EN 12039	%		npd

Mặt trên

Mặt PE (tự bảo vệ)

Mặt dưới

Màng polyetylen nhiệt nóng chảy

Cuộn x palét/đóng gói

30

Với polyetylen co ngót, trên palét



Vetroasfalto SpA
Viabascoli 3,
I-20060 Basiano (MI) – Italy
Tel: + 39.02.959831 – Fax: + 39.02.95983555

Ngày
Kí kết

17/05/2010

17/05/2010

Chứng nhận

CPD-11/001

Mô tả: Màng nhựa đàn hồi BPP polyme, trộn với nhựa bitum được chưng cất được biến đổi với phân tử polyme nặng, được tăng cường với thành phần polyeste không dệt. **Lĩnh vực ứng dụng:** Mái, sàn vệ sinh, tầng hầm (Lớp nền hoặc lớp trung gian trong hệ thống chống thấm đa lớp). **Phương pháp ứng dụng:** Khò nhiệt. **Chỉ dẫn:** EN 13707. **Chất nguy hiểm:** Sản phẩm không chứa chất nguy hiểm (Campo mancante)

BẢN THÔNG SỐ KỸ THUẬT

SẢN PHẨM

BREIGLAS 4MM GY-APP

Thành phần

BPP

(nhựa bitum biến thể với polyme đàn hồi)

Lớp gia cường

Thành phần polyeste không dệt

ĐẶC TÍNH	EN DRC	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ	TOL
Kiểm khuyết nhìn thấy	EN 1850-1	Thông qua
Độ dày	EN 1849-1	mm	4,00	-10%
Kích thước	EN 1848-1	m	1,00 1,00	-1%
Độ thẳng	EN 1848-1	mm	Tối đa 20	Thông qua
Lực kéo căng tối đa (L/T)	EN 12311-1	N/5cm	500 350	-20%
Độ kéo giãn (L/T)	EN 12311-1	%	40 40	-15 abs
Chịu xé (L/T)	EN 12310-1	N	140 160
Chịu tải tĩnh	EN 12730	Kg	15
Chịu va đập	EN 12691	mm	700
Cường độ khớp nối (L/T)	EN 12317-1	N/5cm		npd
Sức chịu bong của điểm nối (L/T)	EN 12316-1	N/5cm		npd
Độ dẻo (uốn lạnh)	EN 1109	°C	-20	Thông qua
Độ dẻo (uốn lạnh) – Lão hóa	EN 1296	°C		npd
Lão hóa tia cực tím nhân tạo (Kiểm khuyết nhìn thấy)	EN 1297
Tính kín nước	EN 1298	kPa	60
Độ thấm hơi nước	EN 1931	μ x100	20	npd
Độ thấm hơi nước (Lão hóa)	EN 1296	μ x100		npd
Hình thức ổn định (Mới/Lão hóa)	EN 1110	°C	120	Thông qua
Kích thước ổn định (L/T)	EN 1107-1	%	0,25 0,15	Thông qua
Kháng rễ	Nhóm MBP	% gia tăng		npd
Hiệu suất chịu lửa mặt ngoài	EN 13501-5	Loại	F(mái)	npd
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại	F	npd
Độ dính của hạt	EN 12039	%		npd

Mặt trên

Mặt Đá (tự bảo vệ)

Mặt dưới

Màng polyetylen nhiệt nóng chảy

Cuộn x palét/đóng gói

24

Với polyetylen co ngót, trên palét